

Số: 847/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 22 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2010 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận thực hiện; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 221/TTr-TNMT ngày 17/4/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Thanh Thủy với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Diện tích đất nông nghiệp là 8.647,37 ha, giảm 33,23 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Diện tích đất trồng lúa là 2.482,63 ha, giảm 14,35 ha (trong đó: diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 1.133,82 ha, giảm 1 1,62 ha).

- + Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 853,20 ha, giảm 15,15 ha.
- + Diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.941,75 ha, giảm 0,72 ha.
- + Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 430,87 ha, giảm 0,32 ha.
- + Diện tích đất nông nghiệp khác là 41,45 ha, giảm 2,69 ha.
- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là 3.754,56 ha, tăng 33,24 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt, cụ thể:
 - + Diện tích đất khu công nghiệp là 13,06 ha, tăng 10,85 ha.
 - + Diện tích đất thương mại, dịch vụ là 199,35 ha, tăng 0,77 ha.
 - + Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.054,52 ha, giảm 0,8 ha.
 - + Diện tích đất ở tại nông thôn là 726,51 ha, tăng 22,29 ha.
 - + Diện tích đất ở tại đô thị là 235,02 ha, tăng 0,14 ha.
 - Diện tích đất chưa sử dụng là 166,14 ha, giảm 0,01 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu diện tích khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Thanh Thủy đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo KHSD được duyệt (ha)	Diện tích theo Điều chỉnh KHSDĐ (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		12.568,06	12.568,06	
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.680,60	8.647,37	-33,23
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.496,98	2.482,63	-14,35
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.145,44	1.133,82	-11,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	868,35	853,2	-15,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.942,47	1.941,75	-0,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	518,65	518,65	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.378,82	2.378,82	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	431,19	430,87	-0,32
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	44,14	41,45	-2,69

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo KHSD được duyệt (ha)	Diện tích theo Điều chỉnh KHSDĐ (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.721,32	3.754,56	33,24
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,51	1,51	
2.2	Đất an ninh	CAN	4,6	4,6	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2,21	13,06	10,85
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	23,63	23,63	
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	198,58	199,35	0,77
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	91,48	91,48	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	112,57	112,57	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.055,33	1.054,52	-0,81
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	7,48	7,48	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,42	4,42	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	704,22	726,51	22,29
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	234,88	235,02	0,14
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,25	9,25	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,8	8,8	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	76,35	76,35	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	48,81	48,81	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,55	9,55	
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,45	0,45	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,36	5,36	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	980,79	980,79	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	141,05	141,05	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo KHSĐ được duyệt (ha)	Diện tích theo Điều chỉnh KHSDD (ha)	Số sánh tăng, giảm (ha)
3	Đất chưa sử dụng	CSD	166,15	166,14	-0,01

2. Danh mục công trình điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020

Tổng số dự án điều chỉnh, bổ sung: 14 dự án, trong đó:

- Dự án bổ sung mới: 08 dự án.
- Dự án điều chỉnh chỉ tiêu, loại đất: 06 dự án.

(Chi tiết có Biểu kèm theo)

Điều 2: Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Thanh Thủy có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND huyện Thanh Thủy, Công ty Điện lực Phú Thọ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

Biểu Danh mục công trình bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Thủy

(Kèm theo Quyết định số: 847/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ)

0	Hạng mục	Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất													Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	
			LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	NKH	ONT	ODT	DTT	CSD	DGT	DTL			
	Tổng	35,20	11,91	2,87	15,49	0,90	0,33	0,10	2,69	0,05	0,02	0,01	0,01	0,78	0,05			
A	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG (08 dự án)	34,150	11,650	2,580	15,390	0,810	0,260	-	2,690	-	-	-	-	0,720	0,050			
I	Đất công trình năng lượng	0,039	0,003	0,028	0,005	0,002	-	-	-	-	-	-	-	0,001	-			
1	Chống quá tải TBA Xuân Lộc 1, Xuân Lộc 3, Thọ Văn 3, Cô Tiết 2, Cô Tiết 4, Phương Thịnh 2, Bom Tam Cường	0,006	0,003	-	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy	Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ
2	Chống quá tải TBA Đông Luận 1, Đông Luận 2, Đông Luận 5, Hoàng Xá 1, Hoàng Xá 2, Yên Mao 4, Thanh Thủy 1	0,033	-	0,028	0,002	0,002	-	-	-	-	-	-	-	0,001	-	-	Các xã: Đông Luận, Hoàng Xá, Yên Mao, Tân Phương, huyện Thanh Thủy	Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ
II	Đất ở nông thôn	22,340	1,150	2,200	14,990	0,660	0,260	-	2,690	-	-	-	-	0,390	-			

3	Dự án khu dân cư mới	21,670	1,150	2,200	14,990	-	0,260	-	2,690	-	-	-	-	0,380	-	Khu Trại Mít, xã Trung Thịnh (nay là xã Đồng Trung), huyện Thanh Thủy	Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
4	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao) trong cùng thửa đất ở, đất giao thông sang đất ở nông thôn tại các xã: Đồng Trung (xã Trung Nghĩa cũ); Đào Xá; Sơn Thủy; Hoàng Xá; Thạch Đồng; Tân Phương và Bảo Yên	0,670	-	-	-	0,660	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	Xã Đồng Trung (0.08ha); xã Đào Xá (0,1 ha); xã Hoàng Xá (0,2ha); xã Sơn Thủy (0,03ha); xã Thạch Đồng (0.15ha); xã Tân Phương (0.07ha) và xã Bảo Yên (0.04ha), huyện Thanh Thủy	Quyết định số 1539/QĐ- UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thanh Thủy
III	Đất ở đô thị	0,150	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
5	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao) trong cùng thửa đất ở sang đất ở đô thị tại thị trấn Thanh Thủy	0,150	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy	Quyết định số 1539/QĐ- UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thanh Thủy
IV	Đất thương mại dịch vụ	0,770	-	0,350	0,390	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-		

6	Dự án cửa hàng giới thiệu sản phẩm và kinh doanh vật liệu xây dựng Thành Đô	0,380	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	Khu Dộc Muồng, xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
7	Dự án khu kinh doanh nhà hàng và dịch vụ karaoke, dịch vụ bơi của Công ty TNHH thương mại sản xuất xây dựng và dịch vụ giải trí Thanh Hương	0,390	-	-	0,390	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khu 9, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	Quyết định chủ trương đầu tư số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
V	Đất khu công nghiệp	10,850	10,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	0,050		
8	Khu Công nghiệp Trung Hà	10,850	10,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	0,050	Xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy	Văn bản số 655/TTg-CN ngày 27/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 723/UBND-KTTH ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH (06 dự án)	1,050	0,260	0,290	0,105	0,085	0,073	0,101	-	0,045	0,020	0,010	0,007	0,054	-		

I	Chống quá tải lưới điện phân phối huyện Thanh Thủy	0,070	0,030	0,020	0,004	0,003	0,003	0,003		0,003	-	-	-	0,004	-	Xã Yên Mao, xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy	Dự án có trong danh mục Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, Kế hoạch sử dụng đất 2020 được duyệt xác định: Đất LUC: 0,05ha; Đất BHK: 0,02ha.
2	Chống quá tải lưới điện; TBA và đường dây 0,4kv xã Sơn Thủy; chống quá tải các TBA Đào Xá 1, Đào Xá 3, Xuân Lộc 1; cải tạo lưới điện 10kv xã Thạch Khoán - Thạch Đồng; chống quá tải lưới điện 10kv huyện Thanh Thủy; chống quá tải TBA La Phù 1, La Phù 2, Đoan Hạ	0,640	0,130	0,150	0,080	0,060	0,050	0,080	-	0,030	0,010	0,010	-	0,040	-	Xã Sơn Thủy, xã Đào Xá; xã Thạch Đồng; thị trấn Thanh Thủy; xã Đoan Hạ; xã Phụng Mao; xã Yên Mao; xã Tân Phương; xã Xuân Lộc	Dự án có trong danh mục Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, Kế hoạch sử dụng đất 2020 được duyệt xác định: Đất LUC: 0,13ha; Đất LUK: 0,15ha; Đất HNK: 0,11 ha; Đất CLN: 0,16ha; Đất RSX: 0,08ha; Đất DTT: 0,01 ha.

3	Xây dựng các công trình điện: CQT: 0,07ha (trong đó; Đất lúa 0,029ha; đất khác 0,041 ha); các công trình nhà trực vận hành điện lực; 0,02ha (trong đó: Đất lúa 0,0ha; đất khác 0,02ha)	0,090	0,010	0,020	0,010	0,010	0,010	0,010	-	0,005	0,005	-	0,005	0,005	-	Huyện Thanh Thủy Kế hoạch sử dụng đất 2020 được duyệt: Đất LUC: 0,01 ha; Đất LUK: 0,02ha; Đất HNK: 0,01 ha; Đất CLN: 0.01 ha; Đất RSX: 0,02ha; Đất NTS: 0.01 ha; Đất ODT: 0,01 ha.
4	Dự án chống quá tải lưới điện xử Đào Xá (0.02ha): dự án mạch vòng 22kv lộ 478 trạm 1 10kv (O.OI ha); Dự án chống quá tải TBA Xuân Lộc 1 (0.02ha); Dự án chống quá tải TBA La Phù 1, La Phù 2. Doan Hạ 2. Phương Mao 1,3,4; Dự án mạch vòng 35kv Tân Phuong 2 (0,02ha); dự án mạch vòng 35kv (0.01 ha)	0,080	0,030	0,020	0,005	0,006	0,005	0,005	-	0,003	0,003	-	-	0,003	-	Các xã: Đào Xá, Thạch Đông. Tân Phương: Xuân Lộc, Doan Hạ, Phương Mao. Yên Mao. Tu Vũ và thị trấn Thanh Thủy Dự án có trong danh mục Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐN D ngày 14/12/2017 của HDND tỉnh. Tuy nhiên, Kế hoạch sử dụng đất 2020 được duyệt xác định: Đất LUC: 0,05ha; Đất HNK: 0.03ha.

5	Xây dựng các công trình điện; Các công trình cải tạo: 0,03ha (trong đó: Đất lúa 0,02ha; đất khác 0,01 ha); Các công trình mạch vòng: 0,04ha (trong đó: Đất lúa 0,03ha; Đất khác 0,01 ha)	0,070	0,030	0,020	0,003	0,003	0,003	0,003	-	0,002	0,002	-	0,002	0,002	-	Huyện Thanh Thủy	Dự án có trong danh mục Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh. Tụy nhiên Kế hoạch sử dụng đất 2020 được duyệt xác định: Đất LUC: 0,05ha; Đất HNK: 0,02ha.
6	Chống quá tải lưới điện Thị trấn Thanh Thủy, xã Đoan Hạ, xã Đào Xá, xã Sơn Thủy	0,100	0,030	0,060	0,003	0,003	0,002	-	-	0,002	-	-	-	-	-	Các xã: Đoan Hạ, Đào Xá, Sơn Thủy và Thị trấn Thanh Thủy	Dự án có trong danh mục Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh. Tụy nhiên, Kế hoạch sử dụng đất 2020 được duyệt xác định : Đất LUC: 0,02ha; Đất LUK:0,12ha; Đất BHK: 0,15ha; Đất CLN: 0.01 ha.